

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Nội quy bảo vệ bí mật Nhà nước của Đảng trong các cơ quan,
tổ chức đảng thuộc Đảng bộ xã Tân Ninh**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Luật bảo vệ bí mật Nhà nước ngày 15/11/2018;
- Căn cứ Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ bí mật nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 30/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục bí mật nhà nước của Đảng;
- Căn cứ Quy định số 693-QĐ/VPTW ngày 15/12/2021 của Văn phòng Trung ương Đảng về công tác văn thư trong các cơ quan, tổ chức đảng;
- Căn cứ Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước; Công văn số 4114/BCA-ANCTNB ngày 25/11/ 2022 của Bộ Công an về việc hướng dẫn thực hiện một số quy định của luật bảo vệ bí mật nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 1881-QĐ/TU ngày 03/02/2023 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng trong các cơ quan, tổ chức đảng thuộc Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tân Ninh khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Theo đề nghị của Văn phòng Đảng ủy xã Tân Ninh,

BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Nội quy bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng trong các cơ quan, tổ chức đảng thuộc Đảng bộ xã Tân Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Văn phòng Đảng ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Văn phòng Tỉnh ủy (b/c),
- Ủy viên BCH Đảng ủy (b/c),
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy,
- Thường trực HĐND, UBND xã,
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã,
- Các Đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã,
- Lưu VPĐU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Quản Trọng Thế

NỘI QUY
Bảo vệ bí mật Nhà nước của Đảng trong các cơ quan, tổ chức đảng
thuộc Đảng bộ xã Tân Ninh
(Kèm theo Quyết định số 123-QĐ/ĐU ngày 06 tháng 9 năm 2025
của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Tân Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nội quy này xác định trách nhiệm, quyền hạn và các hoạt động bảo vệ bí mật Nhà nước của các cơ quan, tổ chức đảng thuộc Đảng bộ xã Tân Ninh (sau đây gọi tắt là các cơ quan đảng).

Những nội dung không được quy định tại Nội quy này thực hiện theo các quy định khác của Đảng và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nội quy này áp dụng đối với Cơ quan Ủy Ban Kiểm tra Đảng ủy, Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tiếp cận, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước của các cơ quan đảng trên địa bàn xã Tân Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nội quy này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bí mật Nhà nước* là thông tin có nội dung quan trọng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định, căn cứ vào quy định của Luật bảo vệ bí mật nhà nước, chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc.

2. *Bí mật Nhà nước của Đảng* là thông tin có nội dung quan trọng do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xác định, căn cứ vào Luật bảo vệ bí mật nhà nước, Danh mục bí mật nhà nước của Đảng tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg, ngày 03/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích của Đảng, của quốc gia, dân tộc.

Hình thức chứa bí mật nhà nước của Đảng bao gồm tài liệu, vật, địa điểm, lời nói, hoạt động hoặc các dạng khác.

3. *Bảo vệ bí mật Nhà nước của Đảng* là việc cơ quan, đơn vị, cá nhân sử dụng lực lượng, phương tiện, biện pháp để phòng, chống xâm phạm bí mật nhà nước của Đảng.

4. *Lộ bí mật Nhà nước của Đảng* là trường hợp người không có trách nhiệm biết được bí mật nhà nước của Đảng.

5. *Mất bí mật Nhà nước của Đảng* là trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Đảng không còn thuộc sự quản lý của cơ quan, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý.

Điều 4. Nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng trong các cơ quan Đảng

1. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; phục vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Bảo vệ bí mật Nhà nước của Đảng là trách nhiệm của mọi cơ quan, đơn vị, cá nhân.

3. Việc quản lý, sử dụng bí mật Nhà nước của Đảng bảo đảm đúng mục đích, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

4. Chủ động phòng ngừa; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước của Đảng.

5. Bí mật Nhà nước của Đảng được bảo vệ theo thời hạn quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng

1. Làm lộ, chiếm đoạt, mua, bán bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng; làm sai lệch, hư hỏng, mất tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Đảng.

2. Thu thập, trao đổi, cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng trái pháp luật; sao, chụp, lưu giữ, vận chuyển, giao, nhận, thu hồi, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Đảng trái pháp luật.

3. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng ra khỏi nơi lưu giữ trái pháp luật.

4. Lợi dụng, lạm dụng việc bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng; sử dụng bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng để thực hiện, che giấu hành vi vi phạm pháp luật; xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp hoặc cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng trên máy tính hoặc thiết bị khác đã kết nối hoặc đang kết nối với mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, trừ trường hợp lưu giữ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ yếu.

6. Truyền đưa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng trên phương tiện thông tin, viễn thông trái với quy định của pháp luật về cơ yếu.

7. Chuyển mục đích sử dụng máy tính, thiết bị khác đã dùng để soạn thảo, lưu giữ, trao đổi bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng khi chưa loại bỏ bí mật nhà nước của Đảng.

8. Sử dụng thiết bị có tính năng thu, phát tín hiệu, ghi âm, ghi hình trong hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng dưới mọi hình thức khi chưa được cơ quan chức năng và người có thẩm quyền cho phép.

9. Đăng tải, phát tán bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng trên phương tiện thông tin đại chúng, mạng internet, mạng máy tính và mạng viễn thông.

10. Thông tin sai lệch, làm giả và phát tán tài liệu giả về bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng thông qua trao đổi trực tiếp, phát ngôn của cơ quan, đơn vị và cá nhân.

Chương II

HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC CỦA ĐẢNG TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG

Điều 6. Xác định bí mật nhà nước của Đảng và độ mật

1. Người soạn thảo, tạo ra thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước của Đảng phải đề xuất người đứng đầu cơ quan, đơn vị xác định bí mật nhà nước của Đảng, độ mật của bí mật nhà nước của Đảng, nơi nhận, số lượng bản phát hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Đảng tại Tờ trình, Phiếu trình duyệt ký văn bản hoặc văn bản xác định độ mật của vật, địa điểm, lời nói, hoạt động chứa bí mật nhà nước của Đảng và có trách nhiệm bảo vệ nội dung bí mật nhà nước của Đảng trong quá trình soạn thảo, tạo ra thông tin.

Tài liệu bí mật nhà nước của Đảng phải thể hiện nơi nhận, số lượng bản phát hành, tên người soạn thảo, được phép hoặc không được phép sao, chụp ở nơi nhận của tài liệu. Trường hợp văn bản điện tử, người soạn thảo phải tạo dấu chỉ độ mật trên văn bản sau khi được người có thẩm quyền xác định bí mật nhà nước của Đảng và độ mật của bí mật nhà nước của Đảng; văn bản điện tử khi in ra để phát hành phải đóng dấu độ mật theo quy định.

Trường hợp sử dụng bí mật nhà nước của cơ quan, đơn vị khác thì phải xác định độ mật tương ứng. Trường hợp thông tin trong cùng một tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc các danh mục bí mật nhà nước có độ mật khác nhau thì xác định theo độ mật cao nhất.

2. Người tiếp nhận thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng, nhưng chưa được xác định là bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng thì phải báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức và chuyển đến nơi đơn vị có chức năng xử lý. Người được giao xử lý phải có văn bản đề xuất người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng, độ mật của bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng, nơi nhận, số lượng bản phát hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng. Thông tin tiếp nhận phải được bảo vệ trong quá trình tiếp nhận và xử lý.

3. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 7 của Quy chế này có thể ủy quyền cho cấp phó xác định bí mật nhà nước của Đảng và độ mật của bí mật nhà nước của Đảng trên lĩnh vực được phân công phụ trách.

4. Việc xác định bí mật nhà nước của Đảng và độ mật phải căn cứ vào Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 30/7/2025 của Thủ

tướng Chính phủ hoặc danh mục bí mật nhà nước thuộc các lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

5. Mẫu dấu chỉ độ mật, mẫu dấu “Bản số”, mẫu “Văn bản xác định độ mật đối với vật, địa điểm, lời nói, hoạt động, hình thức khác chức bí mật nhà nước” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Bộ Công an ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước

Dự thảo văn bản có nội dung bí mật nhà nước của Đảng không đóng dấu mật do chưa được người có thẩm quyền quyết định độ mật và ký ban hành nên khi gửi đi phải có văn bản yêu cầu nơi nhận có trách nhiệm bảo vệ nội dung dự thảo, bảo đảm không để xảy ra lộ, mất. Dự thảo văn bản có nội dung bí mật nhà nước của Đảng phải được quản lý, bảo vệ như văn bản ban hành chính thức từ khi soạn thảo và tiêu hủy ngay sau khi hoàn thành việc soạn thảo, tạo ra nếu thấy không cần thiết phải lưu giữ.

Điều 7. Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng trong các cơ quan Đảng

1. Bí thư Đảng ủy xã có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa BMNN độ “Mật”

2. Trường hợp sao, chụp tài liệu, vật chứa BMNN độ “Tuyệt mật”, “Tối mật” thì đơn vị, địa phương báo cáo Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, cấp trên trực tiếp quyết định theo phạm vi quản lý.

3. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng quy định tại Khoản 1 điều này có thể ủy quyền cho cấp phó thực hiện thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng.

Việc ủy quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng được thực hiện thường xuyên hoặc theo từng trường hợp cụ thể và phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn ủy quyền.

Cấp phó được ủy quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng phải chịu trách nhiệm về quyết định cho phép sao, chụp của mình trước cấp trưởng và trước pháp luật. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

4. Cấp ủy chỉ bộ Ban Chỉ huy Quân sự xã thực hiện thẩm quyền và ủy quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng theo quy định của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng; Cấp ủy chỉ bộ Công an xã thực hiện thẩm quyền và ủy quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng theo quy định của Đảng ủy Công an Trung ương và Bộ Công an.

5. Quy trình sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng

a) Việc sao văn bản được thực hiện bằng các hình thức: Sao y bản chính, sao lục và trích sao.

b) Sau khi người có thẩm quyền được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 điều này cho phép (bằng văn bản hoặc bút phê), người được giao nhiệm vụ sao, chụp tiến hành việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng tiến hành sao, chụp tại nơi an toàn và sử dụng phương tiện, thiết bị không có kết nối với mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông để sao, chụp. Chỉ sao, chụp đúng số bản cho phép và tiêu hủy ngay bản hỏng, dư thừa.

c) Việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật phải ghi nhận đầy đủ thông tin vào “Sổ quản lý sao, chụp bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng” (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2020/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an) để quản lý và theo dõi.

d) Bản sao tài liệu bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng phải đóng dấu “BẢN SAO SỔ” (Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2020/TT-BCA) ở góc trên bên phải tại trang đầu của bản sao; dấu “BẢN SAO BÍ MẬT NHÀ NƯỚC” (Mẫu số 9 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2020/TT-BCA) ở phía dưới cùng tại trang cuối của bản sao và ghi đầy đủ thông tin.

e) Bản trích sao tài liệu bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng phải thực hiện theo mẫu “Trích sao” (Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2020/TT-BCA) và đóng dấu độ mật tương ứng với tài liệu trích sao.

ê) Bản chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng phải có “Văn bản ghi nhận việc chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng” (Mẫu số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2020/TT-BCA).

g) Trường hợp sao nhiều bản có thể thực hiện nhân bản từ văn bản bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng đã có chữ ký của người có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị ban hành tài liệu gửi đến, đóng dấu “BẢN SAO SỔ”, “BẢN SAO BÍ MẬT NHÀ NƯỚC” quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BCA, ghi hình thức sao, thời gian sao, số lượng, nơi nhận bản sao và trình lãnh đạo có thẩm quyền ký sao. Sau đó photocopy đủ số lượng đã được lãnh đạo duyệt ký sao; đóng dấu tròn đỏ của cơ quan, đơn vị trên các bản sao.

6. Việc sao, chụp điện mật thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ yếu.

Điều 8. Thống kê, lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng

1. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng khi tiếp nhận, phát hành phải được thống kê theo trình tự thời gian và độ mật.

2. Bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng chứa trong thiết bị có tính năng lưu giữ, sao, chụp, phải được bảo vệ bằng biện pháp thích hợp, bảo đảm an toàn.

3. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng phải được lưu giữ, bảo quản ở nơi an toàn và có phương án bảo vệ.

Điều 9. Vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng tại các cơ quan, đơn vị

1. Việc vận chuyển, giao tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Đảng tại các cơ quan, đơn vị thực hiện như sau:

a) Trước khi giao tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Đảng phải đăng ký vào “Sổ đăng ký bí mật nhà nước của Đảng đi”. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Đảng độ “Tuyệt mật” chỉ ghi trích yếu khi người có thẩm quyền xác định bí mật nhà nước của Đảng đồng ý.

b) Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Đảng phải làm bì hoặc đóng gói riêng. Giấy làm bì phải dùng loại giấy dai, bền, khó thấm nước, không nhìn thấu qua được; hồ dán phải dính, khó bóc.

Trong trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Đảng thuộc độ “Tuyệt mật” phải được bảo vệ bằng hai lớp phong bì: Bì trong ghi số, ký hiệu của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Đảng, tên người nhận, đóng dấu “Tuyệt mật” và được niêm phong bằng dấu của cơ quan, tổ chức ở ngoài bì; trường hợp gửi đích danh người có trách nhiệm giải quyết thì đóng dấu “Chỉ người có tên mới được bóc bì”. Bì ngoài ghi như gửi tài liệu thường và đóng dấu ký hiệu chữ “A”.

Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Đảng độ “Tối mật” và “Mật” được bảo vệ bằng một lớp bì, ngoài bì đóng dấu chữ “B” và chữ “C” tương ứng với độ mật của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Đảng bên trong.

c) Việc giao tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Đảng phải được quản lý bằng “Sổ chuyển giao bí mật nhà nước của Đảng”.

2. Việc nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng được thực hiện như sau:

a) Sau khi nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng, cơ quan nhận phải đăng ký vào “Sổ đăng ký bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng đến”.

b) Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng mà phong bì có dấu “Chỉ người có tên mới được bóc bì”, người nhận vào sổ theo ký hiệu ngoài bì, không được mở bì và phải chuyển ngay đến người có tên trên phong bì. Nếu người có tên trên phong bì đi vắng và trên phong bì có thêm dấu “Hỏa tốc” thì chuyển đến lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoặc người được lãnh đạo cơ quan, đơn vị ủy quyền giải quyết.

c) Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng được gửi đến mà không thực hiện đúng quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng thì chuyển đến lãnh đạo cơ quan nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước hoặc người có tên trên phong bì (đối với trường hợp gửi đích danh) giải quyết, đồng thời phải thông báo nơi gửi biết để có biện pháp khắc phục. Nếu phát hiện tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng gửi đến có dấu hiệu bóc, mở bì hoặc bị trao đổi, mất, hư hỏng thì người nhận phải báo cáo ngay người đứng đầu cơ quan, đơn vị để có biện pháp xử lý.

3. Nơi gửi và nơi nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng phải đối chiếu về số lượng, kiểm tra việc đóng bì, đóng gói tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng. Trường hợp phát hiện thiếu số lượng, sai sót trong đóng bì, đóng gói thì nơi nhận yêu cầu nơi gửi bổ sung, xử lý trước khi vào sổ theo dõi và ký nhận.

4. Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng có đóng dấu “Tài liệu thu hồi”, cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân đã nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng phải gửi lại đúng thời hạn ghi trên văn bản.

5. Việc chuyển, nhận văn bản điện tử có nội dung bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng trên mạng internet, mạng máy tính và mạng viễn thông được thực hiện theo pháp luật về cơ yếu.

6. Việc vận chuyển, giao nhận sản phẩm mật mã thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ yếu.

7. Vận chuyển tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng qua dịch vụ bưu chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về bưu chính.

8. Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng đăng ký bằng cơ sở dữ liệu quản lý trên máy tính thì khi chuyển giao phải in ra giấy để ký nhận và đóng sổ để quản lý. Máy tính dùng để đăng ký tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng không được kết nối mạng internet, mạng máy tính và mạng viễn thông, trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ yếu.

9. Vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng do người làm công tác liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng, người làm công tác giao liên hoặc văn thư của cơ quan, tổ chức thực hiện. Cán bộ làm công tác liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng chỉ vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng khi được người đứng đầu cơ quan, tổ chức chỉ đạo.

Điều 10. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng ra khỏi nơi lưu giữ

1. Người mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác trong nước phải có văn bản xin phép và được người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 7 Nội quy này cho phép.

2. Người mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác ở nước ngoài phải có văn bản xin phép và được Bí thư Tỉnh ủy cho phép.

3. Văn bản xin phép mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác trong nước, nước ngoài phải nêu rõ họ, tên, chức vụ, đơn vị công tác của người xin phép; tên loại, trích yếu nội dung, độ mật của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng;

mục đích sử dụng; thời gian, địa điểm công tác; biện pháp bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng. Khi kết thúc nhiệm vụ phải báo cáo người có thẩm quyền cho phép mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng ra khỏi nơi lưu giữ về việc quản lý, sử dụng bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng và nộp lại cơ quan, đơn vị.

4. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng mang ra khỏi nơi lưu giữ phải chứa, đựng, vận chuyển bằng phương tiện, thiết bị bảo đảm an toàn do người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng quy định và phải bảo vệ trong thời gian mang ra khỏi nơi lưu giữ.

5. Trong thời gian mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng ra khỏi nơi lưu giữ, nếu phát hiện bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng bị lộ, mất mát, người mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng phải báo cáo ngay với người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý và trưởng đoàn công tác để có biện pháp xử lý và khắc phục hậu quả.

Điều 11. Bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng trong sử thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu giữ bí mật nhà nước của Đảng dụng máy vi tính, tài liệu, thông tin

1. Trước khi sử dụng phải tiến hành kiểm tra an ninh đối với thiết bị, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng để soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng; các thiết bị, phần mềm được nâng cấp hoặc sửa đổi, bổ sung trước khi đưa vào sử dụng tại các bộ phận, vị trí trọng yếu, cơ mật, nơi chứa đựng bí mật nhà nước của Đảng thuộc các cơ quan, đơn vị.

Các thiết bị, phần mềm sử dụng cho các bộ phận, vị trí trọng yếu, cơ mật, nơi chứa đựng bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng do tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ, cho tặng phải được Công an tỉnh kiểm tra trước khi sử dụng.

2. Việc sửa chữa máy vi tính, thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu giữ thông tin dùng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng bị hư hỏng phải do cán bộ công nghệ thông tin cơ quan, đơn vị thực hiện. Nếu thuê dịch vụ bên ngoài, phải giám sát chặt chẽ. Máy vi tính lưu giữ tài liệu, thông tin bí mật nhà nước của Đảng mang ra ngoài sửa chữa, phải tháo rời ổ cứng, niêm phong, quản lý tại cơ quan, đơn vị. Sửa chữa xong, phải kiểm tra trước khi sử dụng. Đối với các thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu giữ thông tin dùng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng bị hỏng, không có khả năng sửa chữa, phục hồi, không có nhu cầu sử dụng lại phải được bảo quản, xử lý hoặc tiêu hủy theo đúng quy trình, quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Không sử dụng thiết bị thu phát sóng không dây trong các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, hệ thống mạng thông tin quan trọng quốc gia và tại bộ phận, vị trí trọng yếu, cơ mật.

Điều 12. Địa điểm, phương án bảo vệ và phương tiện, thiết bị sử dụng tại hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Đảng

1. Việc tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Đảng phải được sự đồng ý của người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 7 Nội quy này đối với các hội nghị, hội thảo, cuộc họp của Việt Nam. Đối với hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Đảng có yếu tố nước ngoài tổ chức tại Việt Nam phải được sự đồng ý của người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 7 Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng trong các cơ quan, tổ chức đảng thuộc Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 1881-QĐ/TU ngày 03/02/2023 của Tỉnh ủy Thanh Hóa.

2. Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Đảng được tổ chức trong phòng họp kín tại trụ sở của cơ quan, đơn vị. Trường hợp tổ chức ở ngoài trụ sở làm việc, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có trách nhiệm đề nghị Công an tỉnh kiểm tra an ninh, an toàn trong và ngoài khu vực diễn ra hội nghị, hội thảo, cuộc họp.

3. Phương tiện, thiết bị sử dụng trong hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Đảng

a) Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Đảng phải sử dụng micro có dây và các phương tiện, thiết bị được Công an tỉnh kiểm tra an ninh, an toàn trước khi lắp đặt, trừ phương tiện, thiết bị do Ban Cơ yếu Chính phủ trang bị. Trường hợp hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Đảng tổ chức bằng hình thức trực tuyến phải bảo vệ đường truyền theo quy định của pháp luật về cơ yếu;

b) Người tham dự không được mang thiết bị có tính năng thu, phát tin, ghi âm, ghi hình vào trong hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Đảng độ "Tuyệt mật", "Tối mật". Đối với hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Đảng độ "Mật", việc sử dụng phương tiện, thiết bị được thực hiện theo yêu cầu của người chủ trì;

c) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Đảng quyết định việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật để ghi âm, ghi hình; ngăn chặn hoạt động xâm nhập, thu tin từ bên ngoài.

4. Phương án bảo vệ hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Đảng

a) Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Đảng độ "Tuyệt mật", cơ quan, đơn vị chủ trì quyết định việc bố trí lực lượng canh gác, bảo vệ bên ngoài; dự kiến các tình huống phức tạp có thể xảy ra ảnh hưởng đến an ninh, an toàn trong quá trình tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp và phương án giải quyết, xử lý;

b) Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Đảng tổ chức từ hai ngày trở lên phải niêm phong phòng họp sau mỗi ngày tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp;

c) Người tham dự hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Đảng phải đúng thành phần theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức chủ trì. Trường

hợp hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Đảng độ "Tuyệt mật" phải có biện pháp kiểm tra an ninh, an toàn đối với người tham dự.

Điều 13. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng và gia hạn bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng

1. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

2. Gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng thực hiện theo quy định tại Điều 20 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

3. Bí mật nhà nước sau khi gia hạn phải được đóng dấu “Gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước”, có văn bản hoặc hình thức khác xác định việc gia hạn.

4. Mẫu dấu “Gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BCA.

Điều 14. Điều chỉnh độ mật, giải mật tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng

1. Điều chỉnh độ mật thực hiện theo quy định tại Điều 21 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

2. Giải mật thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

3. Mẫu dấu “Giải mật”, điều chỉnh độ mật thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BCA

Điều 15. Phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng

1. Phân công cán bộ kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước trong Đảng ủy xã Tân Ninh thuộc Văn phòng Đảng ủy

2. Các cơ quan, đơn vị phải phân công và bồi dưỡng nghiệp vụ cho người thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng tại cơ quan, đơn vị mình.

3. Người kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng phải đáp ứng tiêu chuẩn sau đây:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ tiêu chuẩn chính trị, có kiến thức pháp luật và chuyên môn, nghiệp vụ về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng; nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Có trách nhiệm giữ gìn bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng; phục tùng sự phân công, điều động của cơ quan, đơn vị và thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao.

4. Người kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng được hưởng chế độ, chính sách theo quy định.

Điều 16. Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng

1. Căn cứ tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng:

a) Khi không cần thiết phải lưu giữ và việc tiêu hủy không gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc;

b) Nếu không tiêu hủy ngay sẽ gây nguy hại cho lợi ích quốc gia, dân tộc.

2. Nguyên tắc tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng

a) Không để bị lộ, bị mất mát bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng;

b) Quá trình tiêu hủy phải tác động làm thay đổi hình dạng, tính năng, tác dụng của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng và loại bỏ hoàn toàn thông tin bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng;

c) Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng sau khi tiêu hủy không thể phục hồi hình dạng, tính năng, tác dụng, nội dung.

3. Thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng:

a) Người có thẩm quyền được quy định tại khoản 1, Điều 7 của Nội quy này có thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng.

b) Người đang quản lý tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng được quyền quyết định tiêu hủy trong trường hợp quy định tại Điểm b, khoản 1 Điều này và báo cáo ngay bằng văn bản về việc tiêu hủy với người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

4. Cấp ủy Chi bộ Quân sự xã thực hiện thẩm quyền tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng, theo quy định của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng; Cấp ủy Chi bộ Công an xã thực hiện thẩm quyền tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng theo quy định của Đảng ủy Công an Trung ương và Bộ Công an.

5. Việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng trong trường hợp quy định tại Điểm a, khoản 1, Điều này được quy định như sau:

a) Người có thẩm quyền quy định tại Điểm a, khoản 3, Điều này quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng.

b) Hội đồng tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng gồm đại diện lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp lưu giữ tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng làm Chủ tịch Hội đồng; các thành viên của Hội đồng là người trực tiếp lưu giữ tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng và đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Hội đồng tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng có trách nhiệm rà soát tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng được đề nghị tiêu hủy, báo cáo người có thẩm quyền quy định tại Điểm a hoặc Điểm b khoản 3 Điều này quyết định.

d) Hồ sơ tiêu hủy phải được lưu trữ bao gồm: Quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng; danh sách tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng đề nghị tiêu hủy; biên bản họp Hội đồng tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng; quyết định tiêu hủy, biên bản tiêu hủy và tài liệu khác có liên quan.

6. Việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng trong lĩnh vực cơ yếu thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ yếu; việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng do lưu trữ lịch sử lưu trữ được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC CỦA ĐẢNG

Điều 17. Trách nhiệm của Văn phòng Đảng ủy

1. Tham mưu cho đồng chí Bí thư Đảng ủy ban hành văn bản ủy quyền cho các đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy xác định bí mật nhà nước của Đảng; độ mật của bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng và sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng.

2. Chủ trì, phối hợp với cấp ủy Chi bộ Công an xã tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ trực tiếp làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng.

3. Chủ trì, phối hợp với Chi bộ Công an xã tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy sơ kết, tổng kết về công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng trong các cơ quan đảng.

4. Phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết khiếu nại, tố cáo và trực tiếp xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng.

5. Kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng của Đảng ủy theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Quy định số 299-QĐ/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu;

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy và các ban của Đảng ủy

1. Kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng; trực tiếp xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vụ việc vi phạm về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Quy

định số 299-QĐ/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu;

2. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng; nghiên cứu, đề xuất với Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy cho chủ trương, định hướng xử lý một số vụ việc, vụ án nổi cộm, phức tạp liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng.

Điều 19. Trách nhiệm của Chi bộ Công an xã

1. Lãnh đạo Công an xã thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng theo quy định của Bộ Công an.

2. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng.

3. Tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng.

4. Phối hợp với Văn phòng Đảng ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy sơ kết, tổng kết về công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng trong các cơ quan đảng.

5. Phối hợp với Văn phòng Đảng ủy và các cơ quan chức năng tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn kiến thức về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng cho cán bộ trực tiếp làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng; đề xuất khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng.

Điều 20. Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị

1. Phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Nội quy này đến đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định của pháp luật, quy chế, nội quy về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng thuộc phạm vi quản lý.

3. Phân công người thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng theo quy định.

4. Tuyên truyền, giáo dục đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của mình nâng cao trách nhiệm, cảnh giác và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng.

5. Kiểm tra công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong phạm vi cơ quan, đơn vị phụ trách; chỉ đạo xử lý, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng trong việc kiểm tra và xử lý vi phạm khi xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng thuộc phạm vi quản lý.

6. Bố trí cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ yêu cầu công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng bằng nguồn kinh phí của cơ quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

7. Thực hiện chế độ báo cáo và sơ kết, tổng kết về công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng trong phạm vi quản lý.

Điều 21. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị

1. Người tiếp cận bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng có trách nhiệm sau đây:

- a) Tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế, nội quy của cơ quan, đơn vị về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng;
- b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng;
- c) Sử dụng bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng đúng mục đích;
- d) Thực hiện yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng.

2. Người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng có trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Đề xuất người có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp để bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng do mình trực tiếp quản lý;
- c) Trường hợp phát hiện vi phạm trong hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng phải có biện pháp xử lý và báo cáo người có trách nhiệm giải quyết, thông báo cho cơ quan, đơn vị xác định bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng biết để có biện pháp khắc phục;
- d) Trước khi thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc vì lý do khác mà không được phân công tiếp tục quản lý bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng thì phải bàn giao bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý và cam kết bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng đã quản lý.

Điều 22. Chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải thực hiện chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng trong phạm vi quản lý gửi Ban Thường vụ Đảng ủy qua Văn phòng Đảng ủy, theo thời hạn như sau:

- a) Báo cáo tổng kết 5 năm một lần (kể từ ngày Nội quy này có hiệu lực); báo cáo sơ kết 1 năm một lần;
- b) Báo cáo đột xuất được thực hiện ngay sau khi phát hiện lộ, mất bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng hoặc theo yêu cầu của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy;
- c) Thời hạn chốt số liệu trong báo cáo hằng năm: Tính từ ngày 10 tháng 10 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 09 tháng 10 của kỳ báo cáo.

d) Thời hạn gửi báo cáo hàng năm: Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo định kỳ hàng năm cho Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Văn phòng Đảng ủy) chậm nhất vào ngày 15 tháng 10 của năm báo cáo.

đ) Thời hạn gửi báo cáo tổng kết 5 năm: Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo tổng kết 5 năm cho Ban Thường vụ Đảng ủy chậm nhất vào ngày 15 tháng 10 của năm cuối kỳ báo cáo.

2. Nội dung báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng

a) Phân tích, đánh giá tình hình liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng;

b) Kết quả thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng; ưu điểm, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, thực hiện;

c) Tình hình, số liệu các vụ lộ, mất bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng; nguyên nhân và việc xử lý, khắc phục hậu quả;

d) Dự báo tình hình; dự kiến công tác trọng tâm bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng trong thời gian tới và đề xuất, kiến nghị.

3. Văn phòng Đảng ủy có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tổng kết 5 năm và báo cáo hàng năm về công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng trong phạm vi các cơ quan đảng, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy cho ý kiến để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước ngày 20/10 của năm báo cáo.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm triển khai thực hiện Nội quy

1. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện Nội quy này đến đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong phạm vi quản lý của mình.

2. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nội dung của Nội quy này và các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 24. Khen thưởng

Cơ quan, đơn vị và cá nhân có thành tích trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật nhà nước của Đảng được khen thưởng theo quy định của Đảng và pháp luật của nhà nước.

Điều 25. Xử lý vi phạm

Cơ quan, đơn vị và cá nhân vi phạm các quy định của Nội quy này và các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.